

Thống kê nguyện vọng thí sinh của các trường không chuyên

STT	Trường	NV1	NV2	NV3	Chỉ tiêu
1	THPT Trưng Vương	1349	1316	151	675
2	THPT Bùi Thị Xuân	1815	79	22	630
3	THPT Năng Khiếu TDTT	20	23	223	135
4	THPT Ten Lữ Man	468	1105	1500	720
5	THPT Lương Thế Vinh	444	600	643	360
6	THPT Lê Quý Đôn	930	832	125	480
7	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1982	205	21	690
8	THPT Lê Thị Hồng Gấm	454	781	708	405
9	THPT Marie Curie	997	1581	1777	1125
10	THPT Nguyễn Thị Diệu	517	1436	1732	585
11	THPT Nguyễn Trãi	958	511	248	490
12	THPT Nguyễn Hữu Thọ	116	502	674	360
13	THPT Hùng Vương	2119	988	196	1215
14	TH Thực Hành ĐHSP	724	87	20	228
15	TH Thực Hành Sài Gòn	254	572	574	160
16	THPT Trần Khai Nguyên	1441	2081	971	700
17	THPT Trần Hữu Trang	175	553	976	360
18	THPT Mạc Đĩnh Chi	2207	312	56	1080
19	THPT Bình Phú	1461	1247	117	630
20	THPT Lê Thánh Tôn	700	744	479	540
21	THPT Ngô Quyền	1073	453	247	720
22	THPT Tân Phong	93	890	1774	675
23	THPT Nam Sài Gòn	64	119	212	70
24	THPT Lương Văn Can	985	676	489	765
25	THPT Ngô Gia Tự	212	636	1811	720
26	THPT Tạ Quang Bửu	559	1072	931	540
27	THPT Phường 7	85	214	967	675
28	THPT Chuyên TDTT Nguyễn Thị Định	171	554	967	270
29	THPT Nguyễn Khuyến	1516	1141	359	810
30	THPT Nguyễn Du	1008	1014	167	720
31	THPT Nguyễn An Ninh	328	1090	1986	720
32	THPT Diên Hồng	89	483	1424	270
33	THPT Sương Nguyệt Anh	113	311	915	180
34	THPT Nguyễn Hiền	1131	567	90	585
35	THPT Trần Quang Khải	1451	1953	583	810
36	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	905	1900	2185	630
37	THPT Võ Trường Toản	1246	690	213	540
38	THPT Trường Chinh	927	1614	1157	720
39	THPT Thạnh Lộc	246	662	2084	540
40	THPT Thanh Đa	281	638	1351	540

41	THPT Võ Thị Sáu	1457	1767	371	855
42	THPT Gia Định	1938	293	30	1035
43	THPT Phan Đăng Lưu	804	1710	1341	675
44	THPT Hoàng Hoa Thám	1171	1658	1370	765
45	THPT Gò Vấp	747	1047	329	585
46	THPT Nguyễn Công Trứ	2115	229	55	1080
47	THPT Trần Hưng Đạo	1808	1815	396	810
48	THPT Nguyễn Trung Trực	207	1111	2451	900
49	THPT Phú Nhuận	1746	639	51	675
50	THPT Hàn Thuyên	221	561	3007	720
51	THPT Nguyễn Chí Thanh	986	1251	804	675
52	THPT Nguyễn Thượng Hiền	2321	25	19	735
53	THPT Lý Tự Trọng	268	1420	1844	540
54	THPT Nguyễn Thái Bình	734	1367	1625	675
55	THPT Long Thới	336	268	528	540
56	THPT Phước Kiển	40	250	475	675
57	THPT Tân Bình	1272	1530	540	765
58	THPT Trần Phú	2235	631	64	945
59	THPT Tây Thạnh	590	1168	1600	540
60	THPT Vĩnh Lộc	264	504	1824	450
61	THPT Bình Trị Đông A	84	560	1077	675
62	THPT An Lạc	843	1233	1261	675